

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng và Biên bản đánh giá ngày 04 tháng 5 năm 2024.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng.

Thành lập theo Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Số 265 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại: 02903 817 469; E-mail: kiemdinhcamau@gmail.com.

Tên Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa chất và Vật liệu xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 265 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 12.001** (mã số phòng thí nghiệm đã được Bộ Xây dựng cấp trước đây là: LAS-XD 300).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Trung tâm QH&KĐXD;
- Cục QL.HĐXD – BXD (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Đăng tải trên website Sở XD;
- Lưu: VP, P. QLXD, N01/04



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Quốc Thống



**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 12.001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 1616/GCN-SXD ngày 08 / 5 /2024 của Sở Xây dựng Cà Mau)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA PHÉP THỬ
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xi măng – phương pháp thử - xác định cường độ	TCVN 6016:2011
3	Xi măng – phương pháp xác định thời gian đông kết & độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 8876:2012
4	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
5	Độ nở Autoclave	TCVN 8877:2011
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
6	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 9382:2012; TCXD 127:1985; Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/98; TCVN 10306:2014
7	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022
8	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
9	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
10	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
11	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
12	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
13	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
14	Xác định cường giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022
15	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
16	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022
17	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
18	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCXDVN 376:2006; TCVN 9338:2012
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
19	Thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2:2006
20	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA PHÉP THỬ
21	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
22	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006
23	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
24	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
25	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
26	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
27	Xác định nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:06
28	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN7572-12:2006
29	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006
30	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit	TCVN 7572 -16:2006
31	Xác định hàm lượng hạt yếu, phong hóa	TCVN7572-17:2006
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
33	Xác định Hệ số (ES)	ASTM D2419:91
34	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	AASHTO T191-87; ASTM D1883-99
THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG		
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
36	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
37	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
39	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
40	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012
41	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06; AASHTO T193-10
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
42	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:71; TCVN 12791-2020
43	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006
44	Độ chặt đầm nén	22TCN 333:06; TCVN 12791-2020
45	Xác định độ bằng phẳng mặt của mặt đường bằng	TCVN 8864:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA PHÉP THỬ
	thước 3m.	
46	Phương pháp thử nghiệm xác định mô đun đàn hồi E nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
47	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
48	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
49	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy so siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
50	Phương pháp điện từ xác định lớp chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
51	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng- phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012
52	Phương pháp điện thể kiểm tra khả năng bị ăn mòn của cốt thép	TCVN 9348:2012
53	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
54	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
55	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
56	Kiểm tra không phá hủy xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:1995
57	Cọc – phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012
58	Kiểm tra điện trở bộ phận nối đất	TCVN 9385:2012
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
59	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
60	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022;
61	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
62	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
63	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
64	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
65	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
66	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009



TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA PHÉP THỬ
67	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
68	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
69	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
70	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
71	Xác định độ rỗng	TCVN 6335-6:2009
72	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6335-7:2009
73	Xác định sự thoái muối	TCVN 6335-8:2009
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
74	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định: cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
75	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định: cường độ nén; độ rỗng; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:2016
THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
76	Vật liệu kim loại – Thử kéo – phần 1: Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197:2014; TCVN 314:2008
77	Vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 198:2008
78	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
79	Kiểm tra chất lượng hàn ống – thử nén dẹt	TCVN 5402:2010; TCVN 7972:2008
80	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
81	Thử nghiệm dây cáp thép, hệ thống neo và cáp dự ứng lực	TCVN 6284:1997; 22 TCN 267:00; ASTM A370
82	Thử nghiệm bu lông, ốc đai, ốc vít, vật liệu bu lông	TCVN 197:2014; TCVN 198:2008; TCVN 1916 : 1995; ASTM A370; AASHTO T68
83	Thử nghiệm mối nối bằng ống ren, cóc nối thép, tăng đơ, ống thép, thép bản, thép hình, thép lưới, nhôm, tôn lợp mái	TCVN 197:2014; TCVN 198:2008, TCVN 1916:1995, TCVN 8163:09, TCVN 5709:2009
84	Cốt thép – phương pháp uốn và uốn lại	TCXD 224:1998; TCVN 6287:1997
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
85	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA PHÉP THỬ
86	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
87	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
88	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
89	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
90	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
91	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
92	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
93	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
94	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
95	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
96	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
97	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM		
98	Bitum – Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D 5-06
99	Bitum – Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D 113-07
100	Xác định nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005; ASTM D 36-00
101	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
102	Xác định tỷ lệ kim lún khi đun ở 163 °C trong 5h.	TCVN 7495:2005
103	Xác định nhựa hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005; ASTM D 2042-09
104	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:2005; ASTM D 70-09
105	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
106	Hình dạng bên ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hão nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984



TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA PHÉP THỬ
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN		
107	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ mài mòn; Xác định độ hút nước; Xác định lực xung kích; Lực uốn gãy; Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
108	Thử cơ lý gạch lát Granito	TCVN 6074:1995
THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO		
109	Xác định kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Độ sai lệch về kích thước và hình dạng sản phẩm; Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
110	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6065:1995
111	Độ bền uốn, MPa	TCVN 6355-2:2009
112	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2005
THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM ÓP, LÁT		
113	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy; Xác định độ bền va đập; Xác định độ bền mài mòn.	TCVN 6415:2016; TCVN 4732:2016; TCVN 7745:2007; TCVN 6883:2001
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP (AAC), BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP		
114	Sai lệch kích thước, Khuyết tật ngoại quan, Cường độ nén và khối lượng thể tích khô, Độ co khô	TCVN 7959:2011; TCVN 9030:2011
115	Độ vuông góc	TCVN 6415-2:2005
116	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 7744:2013
117	Độ hút nước	TCVN 3113:1993

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.